

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) năm 2027; Công văn số 5565/BKHCN-KHTC ngày 28/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai Nghị quyết số 66.24/2026/NQ-CP ngày 26/7/2026 của Chính phủ, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch hoạt động KHCN, ĐMST và CDS năm 2027 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách quản lý KHCN, ĐMST & CDS

Công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm chỉ đạo triển khai thường xuyên, kịp thời. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức rà soát, cập nhật đầy đủ các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương, trên cơ sở đó đã nghiên cứu, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi, góp phần thúc đẩy công tác phát triển KHCN, ĐMST, CDS trên địa bàn tỉnh như: Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung và mức chi đối với hoạt động quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN và ĐMST có sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Đồng thời UBND tỉnh đã ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS như: Quyết định sửa đổi, bãi bỏ một số điều tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ; Quyết định của UBND tỉnh về việc phân cấp thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về

lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN và ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN, ĐMST & CDS

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ

a) Kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu xã hội, nhân văn và tự nhiên

Quản lý và theo dõi thực hiện 26 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (đang thực hiện). Đề nghị cấp có thẩm quyền xác nhận phạm vi ảnh hưởng của 11 nhiệm vụ KH&CN; trong đó có 10 nhiệm vụ đề nghị xác nhận hiệu quả cấp tỉnh; 01 nhiệm vụ KH&CN đề nghị xác nhận phạm vi ảnh hưởng toàn quốc. Triển khai Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: tổ chức khảo sát 09 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định nhằm đánh giá đầy đủ tính khả thi, các điều kiện triển khai mô hình, khả năng duy trì và nhân rộng... Đến thời điểm báo cáo, đã nhận được đăng ký của 07 xã, phường¹ về nhu cầu đề nghị hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN. Đồng thời, tổ chức khảo sát 09 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định nhằm đánh giá đầy đủ tính khả thi, các điều kiện triển khai mô hình, khả năng duy trì và nhân rộng. Phê duyệt triển khai 05 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu từ nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ

Triển khai ứng dụng thành tựu KH&CN vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống: Triển khai thực hiện nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN như: 04 mô hình trồng mới giống chè xanh chất lượng cao LDP1 dưới tán hồi; Mô hình trồng mới dễ Lạng Sơn quy mô 12 ha với 44 hộ dân tham gia; Mô hình trồng mới hồng vành khuyên gồm 41 hộ gia đình tham gia; Mô hình thâm canh hồng vành khuyên bền vững an toàn theo hướng VietGAP quy mô 12 ha với 14 hộ gia đình tham gia; Mô hình trồng mới quýt Tràng Định quy mô 12 ha với 15 hộ dân tham gia; Mô hình thâm canh quýt Tràng Định quy mô 10 ha; Mô hình thâm canh quýt Tràng Định; Mô hình thâm canh dễ Lạng Sơn quy mô 10 ha với 12 hộ dân tham gia; Mô hình thâm canh lúa bao thai hồng quy mô 15 ha với 101 hộ dân tham gia; 4 mô hình phòng trừ sinh vật gây hại cây quế ở vườn ươm và rừng trồng với tổng quy mô 0,5 ha; Mô hình thâm canh ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nâng cao thạch đen trồng trên đất ruộng quy mô 10 ha tại 108 hộ dân tham gia; Mô hình trồng mới lê với quy mô 3,31 ha tại 25 hộ; Mô hình thâm canh giống khoai lang Lộc Bình quy mô 05 ha với 52 hộ tham gia; Mô hình thâm canh giống khoai lang mới quy mô 6,2 ha 117 hộ dân; Mô hình trồng thử nghiệm cây mắc ca quy mô 04 ha với 12 hộ dân tham gia...

¹ UBND xã Tân Tri, Đồng Đăng, Bình Gia, Thiện Thuật, Hoàng Văn Thụ, Hội Hoan, phường Kỳ Lừa.

Thực hiện 01 mô hình chăn nuôi gà Vạn Linh thương phẩm quy mô 200 con; 51 mô hình (quy mô 5ha) trồng lạc (đặc sản địa phương) tại xã Tân Tri theo hướng thâm canh gắn với liên kết tiêu thụ tại xã Tân Tri, tỉnh Lạng Sơn; 03 mô hình nhân giống gừng núi đá bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào quy mô 2.000 cây giống; 08 mô hình (quy mô nuôi trồng năm 30.000 phôi) sản xuất, chế biến, tiêu thụ nấm hương tại vùng núi cao xã Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn; 12 mô hình (quy mô 6 ha) ứng dụng KHCN sản xuất khoai tây Marabel thương phẩm tại xã Cao Lộc, xã Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn. Kết quả nghiên cứu từng bước được ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất và đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, qua đó đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế.

Về triển khai công nghệ chiến lược: Thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức quán triệt, phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo đến các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị đã được hướng dẫn nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất các công nghệ, sản phẩm công nghệ có tiềm năng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Qua rà soát, tổng hợp nhu cầu từ các ngành, lĩnh vực, tỉnh đã bước đầu xác định một số định hướng công nghệ trọng tâm có khả năng ứng dụng cao, tập trung vào các lĩnh vực: nông nghiệp thông minh, logistics, chế biến nông lâm sản và du lịch số².

Ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 18/4/2026 triển khai Chương trình phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược theo Quyết định số 2815/QĐ-TTg; đồng thời xây dựng, gửi đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược³. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo Quyết định số 1131/QĐ-TTg; đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục theo yêu cầu⁴. Công tác triển khai công nghệ chiến lược trên địa bàn tỉnh bước đầu được định hướng, tạo cơ sở cho việc hình thành và phát triển các sản phẩm công nghệ phù hợp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

Về triển khai lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn: chỉ đạo Sở KH&CN đang thực hiện rà soát, phân loại các ngành, lĩnh vực ưu tiên làm cơ sở xây dựng “Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035”. Việc xác định lĩnh vực ưu tiên được thực hiện trên cơ sở xem xét hiện trạng công nghệ của một số ngành chủ lực như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, logistics, du lịch và thương mại biên giới; đồng thời bước đầu nghiên cứu xu hướng công nghệ và nhu cầu đổi mới trong thời gian tới.

Triển khai khảo sát, điều tra ở mức sơ bộ nhằm đánh giá trình độ, năng lực

² Báo cáo số 1831/BC-SKHCN về việc triển khai Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ (gửi Bộ KH&CN đồng gửi UBND tỉnh).

³ Công văn số 725/UBND-KGVX ngày 01/4/2026.

⁴ Công văn số 805/UBND-KGVX ngày 08/4/2026.

công nghệ sản xuất của một số doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn⁵. Kết quả khảo sát bước đầu là căn cứ quan trọng để nhận diện mặt bằng công nghệ, phục vụ việc phân loại, lựa chọn các ngành, lĩnh vực ưu tiên; đồng thời đề xuất triển khai đánh giá trình độ công nghệ trên phạm vi toàn tỉnh theo hướng mở rộng, chuyên sâu, bảo đảm tính đại diện. Trên cơ sở kết quả rà soát và dữ liệu khảo sát bước đầu, tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa phương pháp thu thập, tổng hợp thông tin.

Về công bố danh mục bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS: Công bố danh mục 20 bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS tỉnh Lạng Sơn. Trong đó, lựa chọn 03 “bài toán lớn” của địa phương gắn với lợi thế, tiềm năng phát triển và các vấn đề thực tiễn đặt ra để tổ chức đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST, bảo đảm các kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng ngay vào thực tiễn⁶.

Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI - First): Tỉnh Lạng Sơn đã triển khai thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược giai đoạn 2026 - 2030 với các tập đoàn công nghệ lớn (Viettel, VNPT); đã phối hợp với VNPT Lạng Sơn để triển khai thực hiện lắp đặt Camera AI tại các điểm du lịch lớn⁷.

2.2. Đổi mới sáng tạo

Công tác khởi nghiệp sáng tạo: Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân, nhóm khởi nghiệp, hướng dẫn các doanh nghiệp hình thành tổ chức và thực hiện các thủ tục công nhận các loại hình ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. Hướng dẫn Công ty Cổ phần Lối Vào Mẫu Sơn Xanh thủ tục công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Công tác phát triển hệ sinh thái: Đã hỗ trợ Tổng Công ty Công nghệ Thiết kế Xây dựng Việt Nam (VDCD Group) các thủ tục thành lập Trung tâm ĐMST và CDS tỉnh Lạng Sơn (100% vốn do doanh nghiệp đầu tư; đã hoàn thiện việc cấp đăng ký kinh doanh và đang trong quá trình hoàn thiện các điều kiện cần thiết theo quy định để được công nhận là Trung tâm ĐMST); Sở KH&CN phối hợp với Công ty Cổ phần Hỗ trợ Sáng kiến Kinh doanh tạo tác động MEVI triển khai thành lập và vận hành Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp ĐMST Nông nghiệp và Du lịch cộng đồng MEVI. Đến nay, đã thực hiện đăng ký thành lập chi nhánh doanh nghiệp với tên gọi “Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp ĐMST Nông nghiệp và Du lịch cộng đồng MEVI ” tại Lạng Sơn; đồng thời tổ chức khảo sát mặt bằng tại Trụ sở Trung tâm KH&CN Lạng Sơn (cơ sở 2), để phục vụ thiết kế, thi công cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ vận hành Trung tâm. Hiện đang tiếp tục phối hợp hoàn thiện các điều kiện cần thiết để đưa Trung tâm vào hoạt động.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tỉnh đã triển khai khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ tại 45 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường kết nối doanh

⁵ Báo cáo số 2575/BC-SKHCHN.

⁶ Thông báo số 77/TB-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh về Danh mục bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026.

⁷ Triển khai thành công Camera AI tại 03 điểm du lịch trọng điểm (Bảo tàng tỉnh, điểm du lịch Chùa Tam Thanh, điểm du lịch sinh thái suối Mỏ Mắm).

ng nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và ĐMST. Tuy nhiên, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa, năng lực công nghệ còn hạn chế; chưa hình thành doanh nghiệp công nghệ có quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt thị trường và tạo động lực lan tỏa cho hệ sinh thái ĐMST.

2.3. Sở hữu trí tuệ

Tiếp tục thực hiện Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ (SHTT) đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: theo dõi, đôn đốc 08 dự án SHTT, trong đó đã tổ chức đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN đối với 02 dự án; Ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh thực hiện Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030. Thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Công điện số 38/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã triển khai chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tăng cường hoạt động tuyên truyền về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Tư vấn, hướng dẫn 12 tổ chức, cá nhân xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Tuyên truyền, phát động tham gia Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Giải thưởng Sao Khuê và Cuộc thi Sáng kiến khoa học năm 2026.

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tăng cường công tác kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh, qua kiểm tra hầu hết các đơn vị chấp hành tốt các quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tuy nhiên, vẫn có cơ sở vi phạm, do đó đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 cơ sở với tổng số tiền trên 132 triệu đồng.

Tiếp nhận và giải quyết 2.481 hồ sơ Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu; 100% hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến và giải quyết trước thời hạn, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhập khẩu.

Ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 25/4/2026 nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 05/5/2026 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2026.

Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026.

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân được triển khai đúng quy định: tổ chức tập huấn quản lý nhà nước

về an toàn bức xạ nâng cao năng lực quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; phối hợp đào tạo an toàn bức xạ dành cho nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn tại các cơ sở y tế; đã thực hiện thẩm định và cấp 13 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp 12 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ, góp phần bảo đảm an toàn cho người lao động và cộng đồng.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập ứng phó sự cố trong năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn tỉnh, bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

2.6. Chuyển đổi số

2.6.1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

Số TTHC (cấp tỉnh; cấp xã). Số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm và lũy kế đến nay của cấp tỉnh; cấp xã (hồ sơ trực tuyến, hồ sơ trực tiếp và hình thức khác): Trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC do Trung tâm Dữ liệu quốc gia (Bộ Công an) quản lý tính đến ngày 09/6/2026: tổng số cấp tỉnh 1.582 DVCTT, cấp xã 420 DVCTT.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận 115.481 hồ sơ (2.135 hồ sơ năm trước chuyển sang); tiếp nhận mới 113.346 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tiếp 1.857 hồ sơ (chiếm 1,64%), trực tuyến 111.482 hồ sơ (chiếm 98,35%), qua BCCI 07 hồ sơ (chiếm 0,01%); trả kết quả 113.727 hồ sơ, trước hạn 56.309 hồ sơ (chiếm 49,51%), đúng hạn 57.382 hồ sơ (chiếm 50,46%), quá hạn 36 hồ sơ (chiếm 0,03%), trả qua BCCI 900 hồ sơ (chiếm 0,79%); còn 1.754 hồ sơ đang giải quyết.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của cấp xã, tổng số đã thụ lý 77.491 hồ sơ (tiếp nhận mới 72.581 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 4.910 hồ sơ), trong đó tiếp nhận trực tiếp 41 hồ sơ (chiếm 0,06%), tiếp nhận trực tuyến 72.540 hồ sơ (chiếm 99,94%). Đã trả kết quả 73.437 hồ sơ, trong đó giải quyết trước hạn 59.047 hồ sơ (chiếm 80,40%), giải quyết đúng hạn 11.053 hồ sơ (chiếm 15,05%), giải quyết chậm hạn 3.337 hồ sơ (chiếm 4,54%), còn 4.054 hồ sơ đang giải quyết.

Kết quả các chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT (theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ); kết quả cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp; cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu; việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VneID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan, địa phương:

- Việc đánh giá theo Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Chính phủ quản lý đã chính thức dừng hoạt động từ ngày 29/5/2026, do đó việc tra cứu và tổng hợp số liệu theo Bộ chỉ số 766/QĐ-TTg

hiện không thực hiện được.

- 100% DVCTT phi địa giới hành chính.

- Triển khai⁸ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của địa phương như: đơn đốc, theo dõi các cơ quan, đơn vị công bố, công khai, cập nhật các TTHC được phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa ngay sau khi có các Quyết định công bố của Bộ, ngành Trung ương; rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử, cập nhật đầy đủ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và các hệ thống có liên quan theo quy định. Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát việc tiếp nhận, triển khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục TTHC đã được phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp được thực hiện liên tục, thông suốt, không để xảy ra gián đoạn. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tham mưu, giải quyết TTHC, không để phát sinh thêm thành phần hồ sơ, quy trình, yêu cầu, điều kiện ngoài quy định.

- Tổng hợp báo cáo tình hình bố trí, sắp xếp, phân bổ nguồn lực để tiếp nhận, giải quyết các TTHC được phân cấp từ trung ương; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị của tỉnh gửi Bộ Tư pháp tổng hợp⁹.

Kết quả việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh theo các nghị quyết của Chính phủ: ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 28/3/2026 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026. Theo đó, thực hiện rà soát, đề xuất đơn giản hóa TTHC đối với 45 TTHC, gồm 28 TTHC cấp tỉnh, 17 TTHC cấp xã. Đối với các TTHC do tỉnh quy định (TTHC đặc thù), hiện chỉ có 01 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc ngành Công Thương, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC¹⁰ với tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết đạt 33,33%, tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ đạt 34,4%, bảo đảm yêu cầu Kế hoạch đề ra, hiện đang trong quá trình thực thi phương án đơn giản hóa.

2.6.2. Về kiến trúc số

Hoàn thành nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung sang Nền tảng điện toán đám mây Make-in-Vietnam (Lạng Sơn Cloud). Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) hoạt động ổn định, phục vụ kết nối, liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu. Các nền tảng phục vụ người dân như Công dân số Xứ Lạng, Trợ lý ảo (Chatbot) tiếp tục được duy trì, hỗ trợ hiệu quả trong hướng dẫn, tra cứu và thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã kết nối bổ sung thêm 4 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã kết nối thành công 48 hệ thống (gồm 24 hệ thống của bộ, ngành Trung ương và 24 hệ thống của tỉnh), tăng 4 hệ thống so với năm 2025. Đồng thời, chỉ đạo Sở KH&CN xây dựng Khung Kiến trúc số tỉnh Lạng Sơn bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

8 Công văn số 1080/UBND-TTPVHCC ngày 05/5/2026; số 1243/UBND-TTPVHCC ngày 23/5/2026, số 1261/UBND-TTPVHCC ngày 25/5/2026.

9 Báo cáo số 302/BC-UBND ngày 26/5/2026 về tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

10 Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 19/6/2025.

Về trang bị chữ ký số, tính đến thời điểm báo cáo, 100% tổ chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền ký văn bản trong các cơ quan, đơn vị, tổng thiết bị đã cấp 30.393 chữ ký số công vụ (bao gồm 28.836 Token, 1.117 Sim PKI và 440 ký số tập trung (RSSP)).

Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đã được triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc. 100% văn bản điện tử gửi, nhận có ký số trên môi trường mạng. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong tỉnh và với các bộ, ngành Trung ương được thực hiện thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm tuân thủ quy định, từng bước hình thành môi trường dữ liệu liên thông, đồng bộ.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 57 hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số do các sở, ban, ngành quản lý, khai thác, gồm 15 nền tảng số dùng chung và 42 nền tảng số chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước ở các lĩnh vực như đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa du lịch và một số lĩnh vực chuyên ngành khác.

Đã triển khai giải pháp, nền tảng số hỗ trợ hoạt động của đội ngũ Bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh - đây là lực lượng nòng cốt ở cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, truyền thông chính sách và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên nền tảng số. Giải pháp góp phần hỗ trợ trao đổi thông tin, điều hành công việc tại cơ sở và cung cấp các công cụ hỗ trợ thao tác, khai thác, sử dụng hệ thống một cách thuận tiện, phù hợp với điều kiện và khả năng tiếp cận công nghệ của cán bộ cơ sở. Đã tổ chức thí điểm triển khai giải pháp trên địa bàn 04 phường gồm Đông Kinh, Tam Thanh, Kỳ Lừa, Lương Văn Tri.

Đã hoàn thiện giải pháp CDS cho doanh nghiệp: Giải pháp được giới thiệu và triển khai đến Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và sẵn sàng triển khai đến 100% các doanh nghiệp có nhu cầu. Đây là giải pháp hỗ trợ quản lý, điều hành và xử lý văn bản điện tử hiệu quả, đồng thời hỗ trợ kết nối, trao đổi văn bản điện tử giữa doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ sử dụng miễn phí trong thời gian 12 tháng.

2.6.3. Về dữ liệu số

- Chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành và Công an cấp xã thực hiện tạo lập, làm sạch dữ liệu chuyên ngành, chuẩn hóa dữ liệu thuộc Đề án 06/CP với 06 đợt cao điểm làm sạch, cập nhật dữ liệu; đến nay, các đợt cao điểm đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra¹¹.

¹¹(1) Cao điểm về triển khai định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Đã cấp Định danh doanh nghiệp, hợp tác xã được 2.652/2.966 = 89,4% (vượt 9,4%); Định danh tổ chức khác: 598/879 đạt 61,7% (vượt 11,7%); Định danh tổ chức trong CAND: 91/91, đạt 100%.

(2) Cao điểm 90 ngày đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và triển khai cắt giảm thủ tục xác nhận tình trạng hôn nhân: Đã phối hợp Sở Tư pháp số hóa 186.300/186.300 hồ sơ dữ liệu hộ tịch lịch sử về kết hôn trên phần mềm hộ tịch, đạt 100%; Tòa án số hóa 14.838 hồ sơ hôn nhân gia đình và thực hiện đồng bộ dữ liệu lên hệ thống lưu trữ của Tòa án nhân dân tối cao, đạt 100%. Kết quả rà soát cắt giảm TTHC có yêu cầu nộp, xuất trình giấy

- *Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức, viên chức*: Sở Nội vụ đã hoàn thành việc phê duyệt dữ liệu vào CSDLQG đối với 28.628/28.628 hồ sơ cán bộ công chức, viên chức đạt tỷ lệ 100%.

- *Cơ sở dữ liệu BHXH*: Kết nối, đồng bộ xác thực với CSDLQG về dân cư với CSDLQG về bảo hiểm, đến nay đã xác thực được 688.198/688.883, đạt 99,90% người đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN (*không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội*).

- *Cơ sở dữ liệu hộ tịch*: Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh thực hiện rà soát dữ liệu khai sinh có sai lệch so với CSDLQG về dân cư 68.000 dữ liệu khai sinh được yêu cầu rà soát trên phần mềm hộ tịch. Đã hoàn thành rà soát đối với trên 50.000 dữ liệu, số dữ liệu còn lại đang tiếp tục thực hiện rà soát. 100% dữ liệu hộ tịch lịch sử về kết hôn được cập nhật các thông tin đăng ký kết hôn mới của công dân trên phần mềm hộ tịch.

- *Cơ sở dữ liệu Thuế*: Thuế tỉnh tích cực thực hiện công tác chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu chuyên ngành để đồng bộ với CSDLQG về dân cư. Kết quả lũy kế đến nay: Số mã số thuế phải rà soát thuộc 04 nhóm ưu tiên là 56.466/58.521, đạt 96,49%. Tổng số lượng mã số thuế phải rà soát của cả 05 nhóm là 90.224/105.630, đạt 85,5%.

- *Cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu địa chính*: Duy trì kết nối, đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu địa chính của 60/65 xã, phường trên địa bàn tỉnh với CSDLQG về đất đai để chia sẻ với CSDLQG về dân cư, phục vụ việc khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

- *Cơ sở dữ liệu môi trường*: Thực hiện dự án xây dựng khung kiến trúc ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường (*gồm khung kiến trúc và xây dựng CSDL môi trường*), Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Khung kiến trúc ngành Tài nguyên và Môi trường; hiện nay đơn vị thi công đã

xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng nhận kết hôn gửi Bộ Tư pháp: Cắt giảm tổng số 11/27 TTHC (*cấp tỉnh 08/16 TTHC, cấp xã 03/11 TTHC*).

(3) Chiến dịch 90 ngày xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đối sách thông tin chủ sử dụng đất với hệ thống CSDLQG về dân cư tại C06, hoàn thành đồng bộ lần đầu với 100% CSDL đất đai của tỉnh về CSDL quốc gia về đất đai với 1.130.726 bản ghi. Tổng số thửa đất đã đồng bộ lên CSDL quốc gia về đất đai: 2.798.838 thửa; đạt tỷ lệ 100% so với tổng số thửa trong CSDL địa phương (*Trong đó có khoảng 1.667.334 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận*). Theo 3 nhóm thông tin: Thửa đất XML: 2.798.838 thửa; thửa đất GML: 2.660.034 thửa; Hồ sơ quét: 878.735 file. Theo dữ liệu đối với thửa đất ở, nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa được xây dựng CSDL đất đai trước đây: 18.212 thửa.

(4) Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp qua ứng dụng VNeID: Đã tuyên truyền vận động: 111.490 người tham gia góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp qua ứng dụng VNeID.

(5) Cao điểm cấp định danh điện tử cho người nước ngoài: đã cấp định danh điện tử cho 47 trường hợp.

(6) Cao điểm triển khai cấp đổi Thẻ đảng viên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: Đã thu được 70.687/68.560 hồ sơ đạt 103,1% (*Trong đó: thu nhận 67.649 đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đạt 98,7%; 3.038 đảng viên không thuộc Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn nhưng đang cư trú trên địa bàn*). Hiện đang tiếp tục thực hiện đối với những đảng viên chưa thu nhận hồ sơ.

(7) Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch số 7986/KH-CAT-PC08, ngày 06/10/2025 của Công an tỉnh về rà soát, làm sạch dữ liệu đăng ký phương tiện, giấy phép lái xe và số hóa hồ sơ đăng ký xe, kết quả: đã làm sạch dữ liệu hồ sơ GPLX 22.547/23.238 trường hợp đạt 97,03%, 3.963 thẻ giấy xác minh đã cấp đổi sang thẻ PET; làm sạch dữ liệu đăng ký 447.887/668.217 hồ sơ đạt 67%.

hoàn thành xây dựng CSDL môi trường và đang thực hiện nghiệm thu theo giai đoạn.

- *Cơ sở dữ liệu các hội, đoàn thể*: Đề đẩy mạnh công tác số hóa, cập nhật dữ liệu Hội đoàn thể, lực lượng Công an tiếp tục phối hợp với Hội, Đoàn thể... triển khai thu nhận, cập nhật thông tin hội viên lên phần mềm thuộc hệ thống CSDLQG về dân cư. Lũy kế đến nay trên hệ thống đã cập nhật thông tin: Hội Nông dân 65.195 trường hợp, Hội Người cao tuổi 13.174 trường hợp, Hội Cựu chiến binh 23.366 trường hợp, Hội Chữ thập đỏ 3.865 trường hợp, Người lao động 161.336 trường hợp, Người có công 7.226 trường hợp, Người hưởng lương hưu 21.769...

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 về ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu tỉnh Lạng Sơn; Khung kiến trúc dữ liệu được thực hiện bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, Chiến lược dữ liệu quốc gia và yêu cầu của Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, góp phần hình thành nền tảng dữ liệu thống nhất, đồng bộ, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Việc cập nhật, quản lý hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GiS) cho các đồ án quy hoạch được triển khai đồng bộ, quản lý vận hành và khai thác có hiệu quả CSDL quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị dùng chung trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (<http://quyhoach.langson.gov.vn>) với cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên, liên tục.

- Số liệu cập nhật đến ngày 11/5/2026, tỉnh Lạng Sơn đã tích hợp được 305.158 số sức khỏe điện tử (SSKĐT) có liên kết BHYT lên ứng dụng VneID, tổng số 867.979 người dân thường trú đạt tỷ lệ 35,16%, xếp thứ 21/34 tỉnh thành (tăng 2 bậc so với kết quả cập nhật tháng 3 năm 2026), tuy nhiên vẫn thấp hơn mức bình quân cả nước (39,99%) là 4,83%.

- Cơ sở dữ liệu công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo: thực hiện cập nhật, hoàn thiện các thông tin liên quan; triển khai, rà soát hiện trạng hệ thống, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành.

- Tiếp tục cập nhật, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực và các phần mềm chuyên ngành khác. Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng và phát triển Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 - 2026, đã xây dựng thuyết minh tự động điểm du lịch theo công nghệ 3600 cho 31 điểm du lịch, xây dựng kho tích hợp dữ liệu du lịch về điểm du lịch, ẩm thực, cửa hàng, bản đồ số du lịch, hệ thống quản lý lưu trú, phương tiện hỗ trợ thông tin du lịch,... trên cổng thông tin du lịch, ứng dụng du lịch trên thiết bị di động đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của du khách, thu hút trên 7,2 triệu lượt truy cập, tìm kiếm thông tin về du lịch Lạng Sơn; xây dựng phần

mềm quản lý di sản văn hóa tỉnh Lạng Sơn; dán QR code tên đường phố, điểm di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; lắp đặt mô hình quét QR code tại các điểm du lịch nhằm cung cấp thông tin đến du khách.

2.6.4. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

Xây dựng nền tảng CDS dành riêng cho doanh nghiệp, nền tảng cơ bản đã hoàn thiện các chức năng. Đã thống nhất phương án triển khai, thực hiện kiểm thử, rà soát kỹ thuật và kết nối liên thông với các hệ thống thông tin của chính quyền, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và vận hành ổn định khi đưa vào khai thác. Hiện đang tổng hợp nhu cầu và triển khai đến các doanh nghiệp trên địa bàn. Triển khai các nền tảng số để áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm: Nền tảng Quản trị doanh nghiệp hợp nhất (gồm tập hợp các giải pháp công nghệ: quản trị điều hành, quản trị nhân sự, kế toán - tài chính...); Nền tảng số CDS dành cho doanh nghiệp OneSME (gồm viễn thông, công nghệ thông tin, quản trị doanh nghiệp, giao dịch điện tử, các giải pháp chuyên ngành cho y tế, giáo dục, nông nghiệp, dược phẩm, logistic, bán lẻ, quản lý khách sạn...). 100% các doanh nghiệp đã khai báo trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số trước khi phương tiện đến cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2 - 1089 và được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số. Từ 01/01/2026 đến hết 31/5/2026, số lượt phương tiện được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số là 224.183 phương tiện (trong đó: 161.174 phương tiện nhập khẩu, 63.008 phương tiện xuất khẩu) tăng 57.780 lượt phương tiện so với cùng kỳ năm 2025¹².

Ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026¹³ nhằm triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ số phục vụ quảng bá, kết nối tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm tiếp tục được tăng cường. Trang thông tin điện tử “Nông sản Lạng Sơn” hiện duy trì dữ liệu của 423 nhà cung cấp, 39 nhà thu mua với 519 sản phẩm nông sản cần giao dịch.

Tại một số địa phương cơ sở, hoạt động thương mại điện tử từng bước được mở rộng và đạt kết quả bước đầu tích cực, cụ thể như: xã Vũ Lăng có 08 doanh nghiệp, 10 hợp tác xã và 344 hộ kinh doanh; trong đó nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã ứng dụng các nền tảng như Shopee, TikTok Shop, Lazada, Facebook, Zalo để quảng bá, giới thiệu và bán hàng; tỷ lệ hộ kinh doanh áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt đạt 209/344 hộ, tương đương 60,75%. Xã Châu Sơn có 09 cơ sở kinh doanh bước đầu tham gia các sàn thương mại điện tử và 45/157 cơ sở kinh doanh thực hiện quảng bá, giao dịch qua mạng xã hội, đạt 28,66%. Phường Tam Thanh duy trì 100% cửa hàng kinh doanh có tài khoản thanh toán điện tử, đồng thời triển khai mô hình chợ 4.0, chợ

¹² Từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/5/2026, tổng số lượt phương tiện được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số là 166.403 phương tiện (trong đó: 123.024 phương tiện nhập khẩu, 43.379 phương tiện xuất khẩu).

¹³ Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 20/5/2026.

thanh toán không dùng tiền mặt. Tại xã Thiện Hòa, hoạt động giao dịch thương mại điện tử chủ yếu được thực hiện thông qua Facebook, Zalo, TikTok Shop; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí đạt 100%...

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp CDS và ứng dụng thương mại điện tử tiếp tục được đẩy mạnh. Triển khai xây dựng, cài đặt Nền tảng CDS hỗ trợ doanh nghiệp. Đến thời điểm hiện tại, nền tảng cơ bản đã được xây dựng và hoàn thiện các chức năng; thực hiện kiểm thử các chức năng của phần mềm, rà soát kỹ thuật và triển khai kết nối liên thông với các hệ thống thông tin của chính quyền; cấu hình và hướng dẫn sử dụng đến 06 doanh nghiệp¹⁴. Trong thời gian tới, tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp vận hành và sử dụng phần mềm, đồng thời tiếp tục triển khai mở rộng đến các doanh nghiệp khác có nhu cầu.

Công tác phát triển xã hội số được triển khai gắn với nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân. Việc triển khai các khóa học trực tuyến theo mô hình “Bình dân học vụ số” được thực hiện đồng bộ, từng bước hình thành thói quen học tập, làm việc trên môi trường số. Hạ tầng và điều kiện phục vụ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến được duy trì ổn định, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hướng tới xây dựng môi trường số toàn diện, bao trùm.

2.7. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KHCN, ĐMST&CDS

Hoạt động hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh đã có bước phát triển rõ nét cả về quy mô, nội dung và phạm vi hợp tác. 06 tháng đầu năm 2026, tỉnh đã thực hiện thủ tục cho các đoàn¹⁵ công tác, đoàn bồi dưỡng ở nước ngoài liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ, ĐMST và CDS công tác tại Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Brazil và Chile. Thông qua các chương trình làm việc, học tập và trao đổi kinh nghiệm, tỉnh đã tăng cường tiếp cận các mô hình phát triển tiên tiến về trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn, y tế thông minh, du lịch thông minh, logistics, cửa khẩu thông minh, CDS và phát triển bền vững.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực KH,CN,ĐMST &CDS

¹⁴ Công ty CP Hữu nghị Xuân Cương; Công ty CP Sản xuất và Thương mại Lạng Sơn; Công ty CP Tập đoàn đầu tư và Xây dựng Phú Lộc; Công ty CP Kim loại màu Bắc Bộ; Công ty TNHH Thương mại xây dựng Thiên Phú; Công ty TNHH một thành viên Xe điện DK Việt Nhật.

¹⁵ (1) Đoàn đại biểu tỉnh do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh làm Trưởng đoàn tham dự Chương trình Quảng bá địa phương Việt Nam tại Hoa Kỳ năm 2026 do Bộ Ngoại giao tổ chức, trong đó có nội dung làm việc với hiệp hội, doanh nghiệp bán dẫn của Hoa Kỳ và trao đổi về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học công nghệ; (2) Đoàn đại biểu tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh làm Trưởng đoàn đi thăm, làm việc tại Brazil và Chile, trong đó có nội dung thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, CDS và ĐMST, nhất là trong lĩnh vực logistics cửa khẩu, quản lý chuỗi cung ứng, sức khoẻ, đào tạo nguồn nhân lực và quản trị thông minh (3) Đoàn đại biểu tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị công tác liên hợp lần thứ 4 về xây dựng thí điểm cửa khẩu thông minh tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc; (4) Đồng chí Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Lạng Sơn tham gia khóa bồi dưỡng ngắn hạn tại Nhật Bản, trong đó có nội dung về chính sách khởi các-bon, ổn định và hợp tác quốc tế; (5) Đoàn công tác của Bệnh viện Đa khoa tỉnh thuộc Sở Y tế tham gia Chương trình bồi dưỡng chuyên đề về trí tuệ nhân tạo dành cho cán bộ y tế tại Quảng Tây, Trung Quốc; (6) Đoàn công tác của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch do đồng chí Phó Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch làm Trưởng đoàn tham dự Chương trình nghiên cứu, trao đổi hợp tác ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong du lịch biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 2026 tại Quảng Tây, Trung Quốc.

3.1. Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN

Hệ thống tổ chức KH&CN từng bước được củng cố, kiện toàn theo hướng phù hợp với yêu cầu thực tiễn; vai trò tham gia nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN từng bước được phát huy. Tuy nhiên, nhìn chung, quy mô và năng lực của các tổ chức KH&CN còn hạn chế; chưa hình thành được các tổ chức có tiềm lực mạnh, có khả năng dẫn dắt, tạo đột phá trong nghiên cứu, ĐMST.

Thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ, chỉ đạo Sở KH&CN đang thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm KH&CN theo hướng tự chủ chi thường xuyên. Đồng thời để nâng cao cơ sở vật chất cũng như năng lực đội ngũ cán bộ còn hạn chế của Trung tâm, tỉnh đã đăng ký nhu cầu vốn đầu tư công NSTW giai đoạn 2026 - 2030 lĩnh vực KH&CN, ĐMST và CDS tỉnh Lạng Sơn thông qua gói đề xuất “Đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực hoạt động khoa học công nghệ tại Trung tâm KH&CN Lạng Sơn”, với tổng mức đầu tư 150 tỷ đồng.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực KH&CN, ĐMST & CDS

Năm 2026, tổ chức 15 lớp tập huấn trực tiếp tại 15 xã, phường, gồm 1.819 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và 292 công chức cấp xã. Đồng thời, tổ chức 01 lớp tập huấn trực tuyến kết nối đến 65 điểm cầu xã, phường, thu hút 7.458 lượt người tham gia; 01 lớp tập huấn thí điểm các giải pháp CDS cho đội ngũ Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và bảo đảm an toàn thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ CDS trong sản xuất và kinh doanh cho khối kinh tế tập thể được chú trọng, điển hình là việc tổ chức tập huấn kỹ năng số chuyên sâu cho 02 Hợp tác xã Hồng Vành Khuyên và Quyết Tiến tại xã Hoàng Văn Thụ. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường của các đơn vị trên các nền tảng số.

Phê duyệt danh sách công chức, viên chức làm công tác chuyên trách về CDS, an toàn thông tin, an ninh mạng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định¹⁶. Đồng thời, qua rà soát, nhân sự tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp được bố trí phù hợp, phân công rõ trách nhiệm, bảo đảm hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC thông suốt, liên tục, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Hướng dẫn cán bộ, đảng viên và Nhân dân sử dụng hiệu quả nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) “Bình dân học vụ số”: phối hợp Sở Nội vụ đăng ký với Cục C06 - Bộ Công an mở khóa tập huấn, đào tạo trên nền

¹⁶ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 04/6/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt danh sách công chức, viên chức làm công tác chuyên trách về CDS, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng được hưởng hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

tăng học trực tuyến Bình dân học vụ số (MOOCs) với nội dung khóa học "Nâng cao nhận thức an toàn trên không gian số" cho 941 cán bộ công chức thuộc các sở, ban, ngành tỉnh.

Trong kỳ báo cáo, Sở KH&CN đã thực hiện phân công công tác đối với 02 công chức có trình độ đại học đạt loại Xuất sắc, Giỏi (bao gồm cả đào tạo trong nước và nước ngoài) vào làm việc tại Sở. Việc bổ sung đội ngũ nhân sự chất lượng cao đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường năng lực tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn.

Chỉ đạo tiếp tục rà soát, bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, CDS tại các cơ quan, đơn vị theo quy định, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức sau sắp xếp bộ máy. Cùng cố mô hình tổ chức, cơ sở vật chất và hạ tầng số của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; bảo đảm duy trì hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC liên tục, thông suốt trên môi trường điện tử, không để gián đoạn, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3.3. Kết quả phát triển hạ tầng KHCN, ĐMST & CDS

Mạng lưới bưu chính được duy trì thông suốt, đáp ứng tốt yêu cầu cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước bảo đảm an toàn, bảo mật và kịp thời. Tiếp tục triển khai Quyết định của UBND tỉnh về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC thông qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích. Đây là bước chuyển biến quan trọng so với cùng kỳ năm 2025, tạo cơ sở để từng bước thuê dịch vụ bưu chính công ích thay thế một phần công chức thực hiện tiếp nhận, số hóa và trả kết quả TTHC, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC và giảm áp lực cho cơ quan nhà nước.

Hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu hiện tại và có khả năng nâng cấp phục vụ các dịch vụ mới. Trong 06 tháng đầu năm 2026: số trạm BTS 3G, 4G đã tăng lên 114 trạm (tương đương tăng 3% so với cuối năm 2025); tổng số trạm hiện có 3.749 trạm, trong đó có 841 trạm 2G, 731 trạm 3G, 1839 trạm 4G và 338 trạm 5G. Thuê bao điện thoại tăng 16.516 thuê bao (tương đương 1,8%); tổng số thuê bao điện thoại di động hiện có là 902.941 thuê bao. Thuê bao truy nhập Internet băng rộng tăng 7.488 thuê bao (tương đương khoảng 1%); tổng số thuê bao Internet băng rộng hiện có 825.917 thuê bao. Tỷ lệ hộ gia đình có FTTH tăng 3.638 thuê bao (tương đương tăng 1,75 %); tổng số hộ gia đình có FTTH đạt 83,73%, tương đương với 173.901 thuê bao. Đồng thời, hoàn thành 102 kênh truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng để sẵn sàng cho việc gửi nhận văn bản mật trên hệ thống¹⁷. Ban hành Kế hoạch triển khai xóa thôn, bản lờm sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026¹⁸. Trong

¹⁷ Gồm 47 kênh UBND tỉnh, 2 kênh HĐND, 39 kênh Mặt trận Tổ quốc, 14 kênh sở, ban, ngành. Phối hợp với Quỹ Viễn thông công ích - Bộ KH&CN cung cấp dịch vụ viễn thông cho 13.112 hộ gia đình nghèo, cận nghèo, 224 cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh.

¹⁸ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 18/3/2026.

06 tháng đầu năm 2026 đã xóa được 09 thôn, bản lờm sóng theo Kế hoạch được ban hành.

Quản lý, duy trì hệ thống phòng thử nghiệm, phòng kiểm định hiệu chuẩn theo hệ thống quản lý ISO/IEC 17025:2017. Quản lý, duy trì và tăng cường hệ thống chuẩn đo lường của tỉnh theo quy định.

Đầu tư xây dựng Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật nhằm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp thu, thử nghiệm, đánh giá các quy trình công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh, qua đó lựa chọn, hoàn thiện những tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ phù hợp để chuyển giao vào thực tiễn sản xuất; hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có tính hàng hóa, hàm lượng khoa học cao, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo ra các sản phẩm khoa học và công nghệ có quy mô và đồng bộ.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Chi đầu tư phát triển

Tổng kinh phí chi đầu tư phát triển cho KHCN, ĐMST và CDS năm 2026: 24.309 triệu đồng¹⁹.

Nguồn vốn đầu tư phát triển lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tập trung ưu tiên xây dựng trại thực nghiệm nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích, kiểm nghiệm, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ của ngành khoa học và công nghệ, đầu tư hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung và các hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Các chủ đầu tư đã chủ động triển khai các bước chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện hồ sơ thiết kế, dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện theo quy định.

Mặc dù tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa cao do các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số phải thực hiện nhiều bước chuyên môn kỹ thuật như khảo sát, lập thiết kế, thẩm định công nghệ, thẩm định tổng mức đầu tư và lựa chọn nhà thầu, song nhìn chung các dự án đều được triển khai theo kế hoạch, không phát sinh vướng mắc lớn ảnh hưởng đến mục tiêu đầu tư. Các chủ đầu tư đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để nâng cao tỷ lệ giải ngân trong những tháng cuối năm.

2. Chi thường xuyên

2.1. Tình hình phân bổ dự toán năm 2026

¹⁹ Năm 2026 Trung ương giao chỉ tiêu kế hoạch vốn 50.000 triệu đồng cho lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS; tỉnh đã giao chi tiết 650 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho 05 dự án. Phần còn lại 49.350 triệu đồng chưa giao chi tiết do các dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa đủ điều kiện bố trí vốn. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư, điều kiện bố trí vốn của từng dự án, hoàn thành tham mưu phân bổ chi tiết số vốn còn lại 49.350 triệu đồng cho các dự án đủ điều kiện, bảo đảm đúng quy định, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

Thực hiện các văn bản giao dự toán của trung ương, tỉnh đã thực hiện giao dự toán năm 2026, cụ thể:

- Kinh phí trung ương giao: 49.622 triệu đồng.
- Kinh phí địa phương giao: 158.937 triệu đồng.

- Các nội dung đã bố trí: Quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ĐMST; CDS; tiêu chuẩn – đo lường - chất lượng; sở hữu trí tuệ; đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân. Công tác thông tin, thống kê KH&CN. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, hỗ trợ các hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và ĐMST, mua sắm trang thiết bị đầu cuối tại các xã, phường,...Cụ thể như sau:

- + Nhiệm vụ KH&CN: 21.874,8 triệu đồng.
- + Nhiệm vụ ĐMST: 3.127 triệu đồng.
- + Nhiệm vụ CDS: 133.935,6 triệu đồng.

2.2. Tình hình triển khai

- Lĩnh vực KH&CN và ĐMST: các nhiệm vụ chuyển tiếp cơ bản được triển khai đúng tiến độ; nhiều nhiệm vụ đã hoàn thành giai đoạn thí nghiệm, đang tổng hợp, hoàn thiện báo cáo kết quả. Các nhiệm vụ mới được tổ chức triển khai theo kế hoạch, tập trung vào nghiên cứu, phát triển giống cây trồng, vật nuôi và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất.

- Lĩnh vực CDS: Các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin được triển khai bảo đảm tiến độ. Một số nhiệm vụ đã hoàn tất ký kết hợp đồng, đưa vào vận hành ổn định; một số nhiệm vụ đang trong giai đoạn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Đã thực hiện giải ngân bước đầu đối với một số nội dung như duy trì hạ tầng, bảo trì, vận hành hệ thống.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

Về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: việc ứng dụng kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 28/04/2025 của HĐND tỉnh còn hạn chế trong khi nhiều đề tài, dự án KH&CN đã được nghiệm thu và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn. Việc ứng dụng kết quả của các đề tài nghiên cứu vào sản xuất chưa tạo thành các vùng có quy mô lớn về sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy phát triển sản xuất trên địa bàn. Trình độ tiếp thu khoa học kỹ thuật của người dân còn hạn chế, nhiều đề tài nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở mức thử nghiệm, người dân chưa mạnh dạn nhân rộng các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Về nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ phụ trách KH&CN, đổi mới sáng tạo và

CĐS tại cấp xã còn mỏng, chủ yếu thực hiện theo hình thức kiêm nhiệm. Trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT trong thực tiễn của một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã chưa đồng đều.

Về hạ tầng kỹ thuật: Một số khu vực vùng sâu, vùng xa chưa có mạng cáp quang, chưa được phủ sóng băng thông di động gây khó khăn trong triển khai các nền tảng số và phổ cập CNTT đến người dân. Một số trang thiết bị tin học đầu cuối của cán bộ, công chức, đặc biệt là cấp xã, chưa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy chuẩn hiện nay.

Về dữ liệu số và nền tảng số: Việc số hóa hồ sơ TTHC tuy đạt tỷ lệ cao nhưng chất lượng dữ liệu và mức độ khai thác, tái sử dụng dữ liệu số trong một số lĩnh vực còn hạn chế; chưa khai thác hết giá trị của dữ liệu đã được số hóa. Một số hệ thống, nền tảng số còn cần tiếp tục hoàn thiện, tối ưu tính năng để nâng cao trải nghiệm người dùng; việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống tuy đã được triển khai nhưng chưa đồng bộ hoàn toàn ở tất cả các lĩnh vực.

Về công tác ĐMST: Mặc dù Bộ KH&CN đã ban hành văn bản hướng dẫn về tiêu chí hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm ĐMST cấp tỉnh, tuy nhiên một số nội dung còn mang tính khung, chưa quy định cụ thể, chi tiết về tiêu chuẩn, quy mô, yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định đối với từng hạng mục hạ tầng. Vì vậy, tình gặp khó khăn trong việc xác định đầy đủ, thống nhất các tiêu chí hạ tầng kỹ thuật ban hành tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm ĐMST cấp tỉnh làm căn cứ thẩm định, công nhận theo quy định.

Về Quỹ Phát triển KH&CN: Mặc dù Bộ KH&CN đã có văn bản hướng dẫn tuy nhiên chưa hướng dẫn về mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương.

Về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu thực hiện đề tài khoa học công nghệ: Theo quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, đơn vị chủ trì thực hiện đề tài chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tuy nhiên, hiện nay các cơ quan chủ trì đang thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu không thống nhất, có đơn vị phê duyệt theo năm, có đơn vị phê duyệt cả dự án.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Về phân bổ, giải ngân kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực KH&CN, ĐMST và CĐS

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Phối hợp với Bộ Tài chính quan tâm, tham mưu cấp có thẩm quyền tăng cường nguồn lực đầu tư cho hoạt động KH&CN và ĐMST của các địa phương; đồng thời xem xét bổ sung kinh phí sự nghiệp KH&CN hằng năm để bảo đảm điều kiện triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo kế hoạch được phê duyệt.

- Phối hợp Bộ Tài chính hướng dẫn mô hình tổ chức, cơ chế tài chính, cơ

chế khai thác tài sản công, thực hiện dịch vụ KH&CN, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu đối với đơn vị sự nghiệp công lập KH&CN tự chủ một phần chi thường xuyên; đồng thời hướng dẫn điều kiện, hồ sơ, trình tự thực hiện các ưu đãi về thuế, tài chính đối với hoạt động KH&CN của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghiên cứu, sớm ban hành hướng dẫn cụ thể mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN và ĐMST cấp tỉnh.

- Phối hợp Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân định nhiệm vụ chi, nguyên tắc phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí KH&CN, ĐMST và CDS cho cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính, làm cơ sở để địa phương bố trí kinh phí phù hợp, tránh chồng chéo giữa cấp tỉnh và cấp xã.

- Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm hàng hóa, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; làm rõ trường hợp phê duyệt theo từng năm ngân sách và trường hợp phê duyệt cho toàn bộ thời gian thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp tiến độ chuyên môn, dự toán được duyệt và quy định pháp luật về đấu thầu.

2.2. Về triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương trong việc triển khai các giải pháp xóa lùm sòng. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình, dự án đầu tư phát triển hạ tầng số, chương trình viễn thông công ích, nhằm bảo đảm điều kiện hạ tầng phục vụ CDS và phát triển kinh tế số tại địa phương.

- Sớm ban hành hướng dẫn khung tiêu chí hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm ĐMST cấp quốc gia, làm cơ sở để các địa phương nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chí cấp tỉnh để áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế.

- Quan tâm hỗ trợ các địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi, trong việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích; tăng cường các chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN gắn với nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật trong doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường hoạt động đào tạo, tư vấn chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ tra cứu, hoàn thiện hồ sơ đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp địa phương với các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới công nghệ và gia tăng số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KH&CN, ĐMST & CDS NĂM 2027

I. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. KHCN trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các trụ cột chính:

- Ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải; phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các công nghệ thân thiện với môi trường trong chọn tạo, nhân giống các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nhất là đối với cây dược liệu, lúa, rau hoa, cây ăn quả, gia súc, thủy sản... phù hợp với đặc thù từng vùng sinh thái; qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu, ứng dụng KHCN, công nghệ tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ các loại nông, lâm, thủy sản có giá trị kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các sản phẩm sinh học sử dụng trong trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh hại, xử lý môi trường, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; trong nuôi trồng, chế biến tảo, vi tảo, nấm.

- Ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong phát triển, quản lý và khai thác bền vững tài nguyên rừng. Nghiên cứu, triển khai các mô hình trồng cây dược liệu, cây gỗ lớn, cây lấy tinh dầu, kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng gắn với khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ rừng, nhằm tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm giải phóng và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp; đồng thời phát triển, khai thác và thương mại hóa tín chỉ carbon trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. KHCN trong lĩnh vực CNTT, CDS và kỹ thuật công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong các lĩnh vực: nông nghiệp, chính quyền điện tử; quản lý đô thị, giao thông; phòng chống thiên tai; tài nguyên rừng và đất đai; du lịch; quản lý biên giới...

- Nghiên cứu, ứng dụng CNTT, CDS phát triển đô thị thông minh; phát huy hiệu quả của chính quyền điện tử, chính quyền số; phát triển hạ tầng số, tạo nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển các mô hình sản xuất thông minh, quản lý thông minh.

- Ứng dụng các loại vật liệu xây dựng mới; sản xuất vật liệu xây dựng tạo ra từ vật liệu mới, công nghệ thông minh, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng lớn, quản trị hiện đại.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến sử dụng ít năng lượng, không ô nhiễm môi trường, năng suất cao để phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả hệ thống thu

gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải (bao gồm cả chất thải rắn như chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nhựa, nước thải và khí thải) bằng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT)... để nâng cao hiệu quả quản lý tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đất đai, đô thị. Tập trung nghiên cứu sử dụng các vật liệu mới có tính năng kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, y tế; Ứng dụng công nghệ tổng hợp và tự động hóa trong trồng trọt và chăn nuôi.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong CDS, trong đó tập trung vào các nền tảng số hiện đại, ưu tiên các lĩnh vực quản lý hành chính, cửa khẩu số và trong các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, giao thông,...

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đảm bảo đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu, xây dựng mô hình Trung tâm điều hành thông minh cấp xã, trạm dịch vụ công tự động; đồng thời tích hợp các nền tảng quản trị số tại địa phương nhằm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC ở cấp xã.

3. KHCN trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Nghiên cứu các vấn đề kinh tế theo hướng phát triển nhanh và bền vững; phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đêm, kinh tế chia sẻ, kinh tế di sản, kinh tế dược liệu...), gắn với KHCN, ĐMST, CDS, hội nhập quốc tế, phát triển đô thị thông minh và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế.

- Nghiên cứu các vấn đề xã hội, văn hóa và dân tộc, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, lịch sử và giá trị văn hóa các dân tộc; phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới gắn với CDS và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu các vấn đề quốc phòng, an ninh, tập trung bảo đảm an ninh biên giới, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm công nghệ cao; bảo vệ an ninh mạng và giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nghiên cứu các vấn đề đối ngoại và hợp tác quốc tế, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy hội nhập quốc tế, quảng bá văn hóa và hình ảnh Lạng Sơn; tăng cường hợp tác hữu nghị, thu hút đầu tư, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, logistics, thương mại và liên kết vùng, góp phần huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. KHCN trong lĩnh vực y tế

- Nghiên cứu, ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao và phát triển công nghệ y tế tiên tiến, trọng tâm là công nghệ y học tái tạo, kỹ thuật tạo mô, tế bào gốc,

enzyme, giải trình tự gen thế hệ mới (NGS), điều trị đích trong ung thư và các công nghệ y học hiện đại nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp nâng cao chất lượng y tế dự phòng và khám, chữa bệnh, bao gồm bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp, quản lý và sử dụng hợp lý thuốc kháng sinh, phòng chống kháng thuốc; tăng cường năng lực dự phòng, chẩn đoán và điều trị các dịch bệnh mới nổi, tái nổi và các bệnh không lây nhiễm.

- Nghiên cứu, ứng dụng KHCN, CNTT và CDS trong lĩnh vực y tế, phát triển bệnh viện thông minh, hồ sơ bệnh án điện tử, các ứng dụng quản lý bệnh mạn tính và nâng cao hiệu quả quản lý, khám, chữa bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng y học cổ truyền và các bài thuốc dân gian trong chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ cao trong bảo tồn, phát triển nguồn dược liệu quý; xây dựng vùng trồng chuyên canh, phát triển chuỗi liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu; ứng dụng công nghệ tách chiết hoạt chất, bào chế dược phẩm, sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng từ các loài cây dược liệu đặc hữu của Lạng Sơn, góp phần hình thành các sản phẩm mang thương hiệu của tỉnh.

5. KHCN trong lĩnh vực môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển nguồn năng lượng mới

- Tập trung nghiên cứu, xác định các luận cứ khoa học và thực tiễn trong xây dựng các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tại các khu du lịch; triển khai các công nghệ phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; đồng thời nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản, các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng năng lượng tái tạo (mặt trời, điện gió, sinh khối) phục vụ chuyển đổi xanh và phát triển bền vững tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng sạch phục vụ nông nghiệp sinh thái; thúc đẩy mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển du lịch; triển khai sử dụng năng lượng mặt trời trong tưới tiêu và các hệ thống tự động hóa sản xuất nông nghiệp.

II. HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Nội dung ĐMST năm 2027 tập trung vào các nhiệm vụ, hoạt động sau:

1. Ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và ĐMST

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện ứng dụng, chuyển giao, làm chủ, hấp thụ, cải tiến và đổi mới công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoàn thiện quy trình, dây chuyền sản xuất, sản xuất thử nghiệm và

sản xuất thương mại để tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội.

2. Phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh về: thực hiện Đề án triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung:

- Hỗ trợ tạo ra, đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước; hỗ trợ định giá, thẩm định giá, thúc đẩy khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ gắn với sản phẩm, hàng hóa và thị trường; tăng cường bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đào tạo, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực về năng suất, chất lượng; nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo hướng hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

3. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo (KNST) gồm: tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về KNST; phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất dùng chung hỗ trợ KNST; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và KNST; đào tạo nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực cho khởi nghiệp, ĐMST; hỗ trợ khởi nghiệp dựa trên khoa học, công nghệ, ĐMST và CDS trong đó tuyển chọn, ươm tạo và hỗ trợ phát triển các dự án KNST tiềm năng, tư vấn, kết nối và cung cấp các nguồn lực, dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật,... tổ chức các sự kiện KNST; phát triển thị trường vốn và hỗ trợ tiếp cận nguồn lực cho KNST; đẩy mạnh hội nhập, hợp tác và phát triển thị trường; phát triển hạ tầng, công cụ số hỗ trợ KNST.

4. Thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện hoạt động ĐMST thông qua hỗ trợ lãi suất vay và thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher)

Nghiên cứu, tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động ĐMST thông qua hỗ trợ lãi suất vay và phiếu hỗ trợ tài chính (voucher); ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp KNST, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, CDS, chuyển đổi xanh. Việc hỗ trợ bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, gắn với nhu cầu thực tế, khả năng đối ứng và hiệu quả của phương án, dự án ĐMST.

5. Phát triển hệ thống ĐMST, hệ sinh thái KNST, thúc đẩy văn hóa ĐMST, KNST

Hình thành và vận hành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ KNST; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học

và các chủ thể trong hệ thống ĐMST, hệ sinh thái KNST; kết nối mạng lưới ĐMST, KNST quốc gia, quốc tế; tổ chức các sự kiện Ngày hội ĐMST, KNST cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức các hội thảo, hội nghị, sự kiện, hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu.

6. Phát triển thị trường KH&CN

Tăng cường đầu tư xây dựng, vận hành các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, sàn giao dịch KH&CN; hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; phát triển và kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ, xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên gia, công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; thúc đẩy hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, môi giới, tư vấn, định giá, chuyển giao công nghệ; các sự kiện công bố, trình diễn, giới thiệu, xúc tiến thương mại công nghệ.

Việc bố trí ngân sách nhà nước cho ĐMST cần ưu tiên các nhiệm vụ, hoạt động do doanh nghiệp đề xuất, có sản phẩm đầu ra cụ thể, khả năng thương mại và đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế - xã hội.

7. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng; phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia hiện đại, đồng bộ về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc, phù hợp với thông lệ quốc tế; thúc đẩy CDS và phát triển hạ tầng dữ liệu ngành phục vụ quản lý, giám sát, hậu kiểm và cung cấp dịch vụ công; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu CDS, chuyển đổi xanh và tham gia chuỗi cung ứng.

III. LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động CDS

Tiếp tục tăng cường, phát huy hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

Thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CDS.

- Xây dựng, triển khai các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương để thúc đẩy CDS.

- Xây dựng, ban hành các văn bản thúc đẩy CDS các ngành, lĩnh vực như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm CDS; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng DVCTT đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ CDS cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Triển khai các quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, CSDL; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) do các bộ, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Hạ tầng số

- Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của địa phương phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế.

- Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng...).

- Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thông như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng;

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia ...);

- Triển khai các mạng diện rộng của bộ, ngành, địa phương sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Nhân lực số

- Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về CDS, kinh tế số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách CDS.

- Triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, CDS đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước; thúc đẩy mở dữ liệu, tái sử dụng dữ liệu, sử dụng dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách, cung cấp dịch vụ công và phát triển các dịch vụ, mô hình hoạt động mới; từng bước hình thành và phát triển kinh tế dữ liệu;

- Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Công an.

6. An ninh mạng

- Chú trọng đảm bảo an ninh mạng cho các hệ thống thông tin, CSDL do các sở, ngành, địa phương quản lý, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chú trọng bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống lừa đảo trực tuyến, giả mạo, phát tán thông tin xấu độc, sai sự thật trên môi trường số; nâng cao năng lực tự bảo vệ, khả năng nhận diện rủi ro số cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức.

7. Chính quyền số

- Đẩy mạnh cung cấp DVCTT, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn các sở, ngành, địa phương, bám sát Chương trình phát triển Chính phủ số đã được phê duyệt tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng DVCTT thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp DVCTT, hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, bảo đảm cung cấp DVCTT thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

- Nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số dùng chung của Trung ương, của tỉnh.

- Duy trì triển khai Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, bám sát các chương trình, chiến lược quốc gia đã được phê duyệt.

- Thúc đẩy CDS trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng nền tảng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh phát triển thanh toán số, giao dịch số an toàn; mở rộng cung cấp và sử dụng các dịch vụ số thiết yếu trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính, thương mại, giao thông, nông nghiệp và an sinh xã hội.

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân; thúc đẩy sử dụng danh tính số, tài khoản số, chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân; hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số an toàn, thuận tiện, nhất là tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và đối với các nhóm yếu thế, bảo đảm tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

9. Nâng cao nhận thức về CDS, đảm bảo an ninh mạng

- Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về CDS với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng CDS, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an ninh mạng định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

PHẦN THỨ BA

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI SỰ NGHIỆP KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2027

Kế hoạch dự toán ngân sách chi sự nghiệp KH, CN, ĐMST&CDS năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: 495.639.605.790 đồng, trong đó:

- Chi Khoa học và Công nghệ: 34.384.690.173 đồng.
- Chi Đổi mới sáng tạo: 4.700.925.000 đồng.
- Chi Chuyển đổi số: 456.553.990.617 đồng.

II. KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CHI ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC KHCN, ĐMST&CĐS NĂM 2027

Kế hoạch dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển lĩnh vực KHCN, ĐMST&CĐS năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: 660.588.000.000 đồng:

- Lĩnh vực khoa học công nghệ: 86.000.000.000 đồng:
- + Ngân sách trung ương: 46.800.000.000 đồng.
- + Ngân sách địa phương: 39.200.000.000 đồng.
- Lĩnh vực chuyển đổi số: 574.588.000.000 đồng:
- + Ngân sách trung ương: 462.595.000.000 đồng.
- + Ngân sách địa phương: 111.993.000.000 đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 13/7/2026 về hoạt động KHCN, ĐMST và CĐS năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Báo và PTTH Lạng Sơn;
- Ngân hàng Nhà nước KV 5;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KGVX_(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn